



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Năm báo cáo 2016

I. Thông tin chung

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492031000061 do Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20/09/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 16/02/2011.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 vnd

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: 84-64-392.36.36/7/8 Fax: 84-64-392.38.89

Email: tnsteel@tnsteel.vn

Website: www.tnsteel.vn

Thiết bị chính được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất của Mỹ do nhà sản xuất máy cán nguội uy tín và chuyên nghiệp INTERGRATED INDUSTRIAL SYSTEMS (I²S) với công suất vận hành : 200.000 tấn / năm. Đặc điểm nổi bật nhất của máy cán nguội 4 trục đảo chiều bao gồm:

1. Hệ thống tự động điều khiển độ dày của thép (automatic gage control system)
2. Hệ thống tự động điều khiển độ phẳng của thép (ABB automatic flatness control system)
3. Hệ thống biến tần ACS 800 của ABB
4. General Electric RX7i Programmable Logic Controller

Máy cán được thiết kế với 2 truyền động độc lập cho 2 trục cán, giúp dễ dàng điều khiển 2 trục cán (trục trên và trục dưới) có cùng vận tốc dài trong quá trình cán ngay cả trong trường hợp 2 trục cán có đường kính khác nhau, đặc điểm này rất quan trọng trong việc kiểm soát Tension và loại bỏ khả năng trượt trong khi cán. Đồng thời máy cán cũng được trang bị 2 trục Shapemeter roll ở đầu vào và đầu ra của máy cán giúp cho máy cán có thể điều chỉnh được



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

thông số độ phẳng một cách tối ưu nhất mà các máy thế hệ cũ không được trang bị đầy đủ, đây cũng là thông số quan trọng nhất mà các khách hàng sử dụng thép cán nguội quan tâm. Đặc điểm sản phẩm thép cuộn cán nguội của TNFS như sau:

Chiều dày: 0,15 ÷ 1,8 mm

Chiều rộng: 650 ÷ 1.250 mm

Tất cả các sản phẩm của công ty CP thép tấm lá Thông Nhất được sản xuất và kiểm tra theo các quy trình nghiêm ngặt dựa trên nền tảng ISO 9001-2015 trước khi xuất xưởng giao cho khách hàng và đạt theo tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản là JIS G3141:06.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, đa phần đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại các nhà máy cán nguội lớn và được đào tạo bởi các chuyên gia hàng đầu thế giới tại Mỹ, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần Teamwork, các rủi ro trong quá trình được nhận diện và kiểm soát chặt chẽ. Công ty luôn cam kết với các đối tác cũng như khách hàng về việc đem lại những sản phẩm chất lượng tốt nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất, luôn hướng đến và xem lợi ích cũng như thành công của khách hàng là lợi ích và thành công của mình.

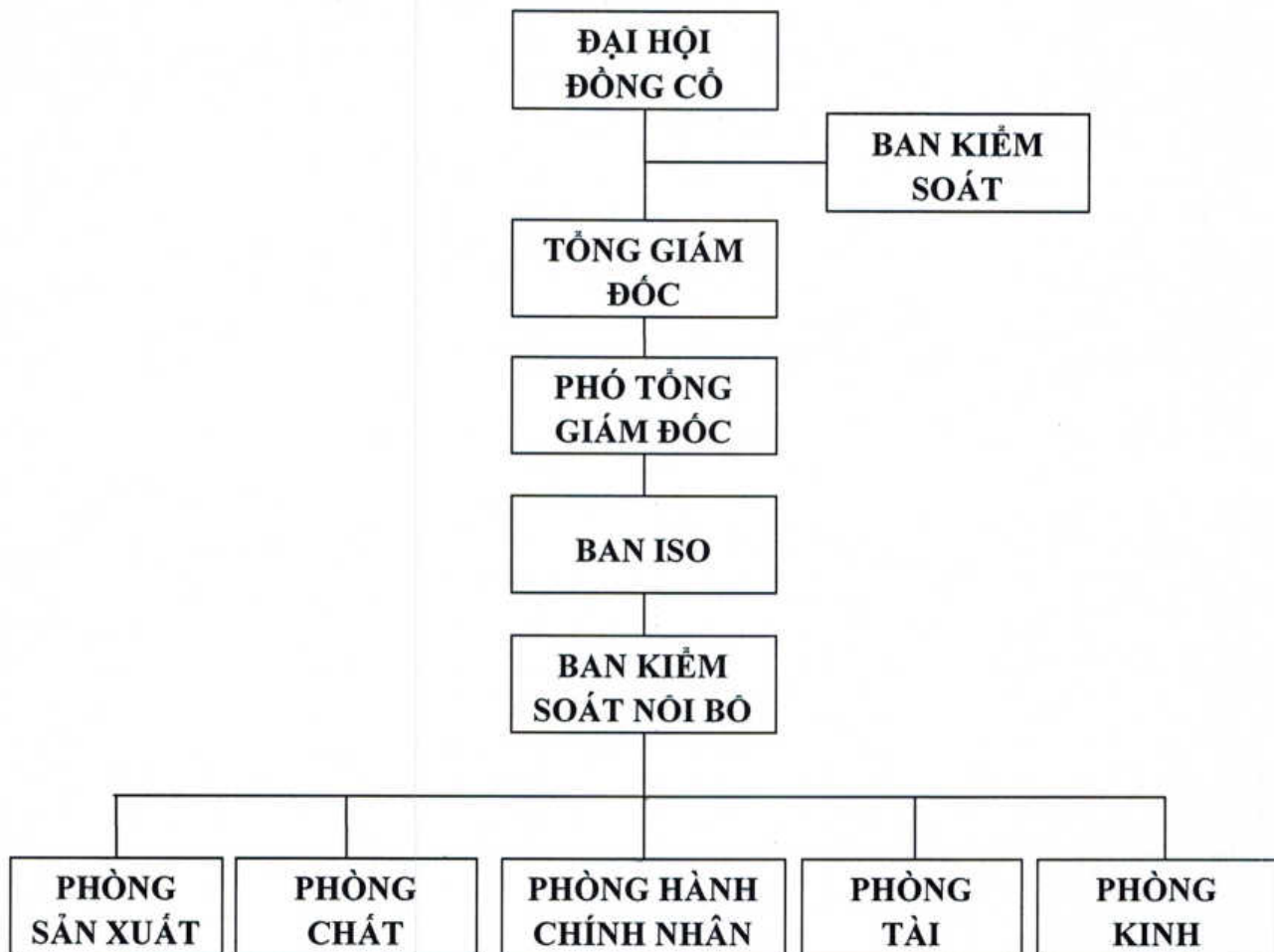
Với mong muốn trở thành một trong những công ty thép sản xuất thép tấm lá hàng đầu Việt Nam và khu vực, với mục tiêu mang lại những giá trị cao nhất cho khách hàng và đối tác. TNFS luôn thể hiện chính sách nhất quán và phương châm kinh doanh là hướng về lợi ích của khách hàng, Hiểu và đáp ứng các yêu cầu, mong đợi của khách hàng. Cải tiến liên tục các quy trình và dịch vụ. Kiểm soát và đo lường các hoạt động. Đảm bảo trách nhiệm cá nhân trong từng hoạt động. Chú trọng an toàn, sức khỏe và môi trường. Hành động tức thì đối với sự không hài lòng của khách hàng. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để thực hiện tốt các cam kết trên.

Khách hàng sẽ ngày càng hài lòng khi càng hợp tác với TNFS, không những về chất lượng sản phẩm mà cả cung cách phục vụ và TNFS luôn tuân thủ và thực hiện các cam kết với khách hàng.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Cơ cấu bộ máy quản lý.



II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016

1. Tình hình sản xuất:

Năm 2016 tình hình kinh tế toàn cầu có sự biến động mạnh, khó lường. Kinh tế trong nước tương đối ổn định, ngành thép có tăng trưởng khá. Tuy nhiên, các doanh nghiệp thép vẫn gặp khá nhiều khó khăn, thách thức như: phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu trong



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

khi giá thép thế giới biến động khó lường, đặc biệt cuối năm giá một số nguyên liệu chính như than mỡ, than cốc tăng liên tục với biên độ lớn, thị trường trong nước cạnh tranh khá gay gắt do cung vượt cầu, nguồn cung trong nước gia tăng do nhiều dự án mới vào hoạt động, thép nhập khẩu giá rẻ thâm nhập mạnh vào thị trường, đặc biệt nguồn thép Trung Quốc,...

Giá các loại nguyên liệu đầu vào sản xuất thép tiếp tục đà tăng. Các nhà máy thép tăng giá bán để bù đắp chi phí sản xuất. Dự báo trong ngắn hạn, giá bán thép sẽ còn tiếp tục tăng trong các tháng tới.

Ngay từ đầu năm với những sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Tổng giám đốc công ty, lãnh đạo các phòng ban và đặc biệt là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, Công ty đã đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch năm 2016, cụ thể như sau:

Trong năm 2016 công ty tập trung bán hàng và gia công cho hầu hết các công ty tôn mạ tại Việt Nam với tổng sản lượng là 173.000 tấn trong đó mua bán là 101.000 tấn và gia công là 72.000 tấn đạt tỉ lệ 145% so với kế hoạch.

2. Về công tác kỹ thuật:

Trong năm 2016 có 32/41 sáng kiến được Hội đồng sáng kiến công nhận, trong đó có các sáng kiến điển hình như tự cài đặt phần mềm cho máy tính giám sát quá trình sản xuất (IBA PC), tăng tốc độ pass cán, chạy luân phiên quạt hút hơi tiết kiệm cho công ty nhiều tỷ đồng;

Các chỉ tiêu tiêu hao đạt tốt như Điện năng 105 kWh/tấn, tiêu hao trục cán 0.0024mm/T, tiêu hao dầu cán dưới 0.5kg/tấn... Các chỉ tiêu tiêu hao đều đạt tốt hơn từ 5-10% so với định mức tiêu hao ban hành áp dụng cho năm 2016

3. Về công tác quản trị:

Trong tình hình khó khăn liên tục và kéo dài nhưng Cty vẫn giữ được đội ngũ, xây dựng được tập thể đoàn kết, tổng số CBCNV là 82 người, tăng 1 người so với cùng kỳ năm ngoái. Thu nhập bình quân là 9,1 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 23% so với cùng kỳ năm 2015, các chế độ chính sách cho NLĐ được chăm lo và thực hiện tốt hơn năm 2015 như cấp đồng phục cho CBCNV, khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe,...

Công ty đã xây dựng, đào tạo và áp dụng hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001: 2015 và được Quacert đánh giá và cấp giấy chứng nhận ISO 9001: 2015

Triển khai và hoàn thiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Triển khai và hoàn thiện lập bản vẽ hoàn công công trình và nhận giấy chứng nhận sở hữu đất và tài sản gắn liền trên đất.

Triển khai đào tạo kiểm soát nội bộ để kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý.

4. Tình hình kinh doanh:



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2016 công ty tập trung bán hàng và gia công cho hầu hết các công ty tôn mạ tại Việt Nam với tổng sản lượng là 173.000 tấn trong đó mua bán là 101.000 tấn và gia công là 72.000 tấn đạt tỉ lệ 145% so với kế hoạch. Doanh thu đạt: 1.365 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 33.32 tỷ đồng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, TNFS đã nhận được sự hỗ trợ từ các đơn vị là các cổ đông lớn, các đơn vị trong hệ thống VNSTEEL .

Sản lượng sản xuất trong năm 2016 như sau:

	Tổng cộng	173.000
	% KH năm (120.000 tấn)	145%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016(xem BCTC bên dưới):

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện		
		2016	2015	% tăng giảm
1	Tổng sản giá trị tài sản (triệu đồng)	512.171	470.233	108,92
2	Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.364.929	701.570	194,55
3	Lợi nhuận từ SXKD (triệu đồng)	57.017	1.239	
4	Lợi nhuận khác (triệu đồng)	647	-131	
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	33.318	-49.909	
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	33.318	-49.909	
Các chỉ tiêu		Năm 2016	Năm 2015	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		0,40	0,18	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn				



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,13	0,03	
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>Chi tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	110,08	1,18	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	281,91	2,78	
<i>Chi tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	19,83	15	
<u>Giá vốn hàng bán (triệu đồng)</u>	1.307.912	700.331	
Hàng tồn kho bình quân(triệu đồng)	65,953	45,84	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,66	1,49	
<i>Chi tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần			

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2017 gồm 6 thành viên:

1. Ông Trần Ngọc Tuấn - Chủ tịch



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- 2. Ông Nguyễn Ngọc Anh - Ủy viên
- 3. Ông Lê Việt - Ủy viên
- 4. Ông Tạ Ngọc Long - Ủy viên
- 5. Ông Nguyễn Văn Đại - Ủy viên
- 6. Bà Võ Thị Lệ Châu - Ủy viên

Căn cứ vào điều lệ và tình hình hoạt động của công ty, chúng tôi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị thực hiện trong năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017.

1. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2015 :

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 12 tháng 4 năm 2016, Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến của thị trường cũng như tình hình tài chính của công ty để đưa ra những quyết sách phù hợp, lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, sản lượng năm 2016 là 173.000 tấn trong đó mua bán là 101.000 tấn và gia công là 72.000 tấn đạt tỉ lệ 145% so với kế hoạch. Lợi nhuận đạt 33.32 tỷ, vượt kế hoạch ĐHCĐ năm 2016 giao là phần đầu không lỗ

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

2.1 Các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị :

Nhằm theo sát tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đề ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành phù hợp với diễn biến nền kinh tế, trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp qua đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ.HĐQT	26/02/2016	- Thống nhất kế hoạch SXKD năm 2016



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

			<ul style="list-style-type: none">- Thông qua một số nội dung để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.- HĐQT đồng ý chủ trương cho phép Ban điều hành tiến hành đàm phán với VCB thực hiện việc chuyển tiền vay USD sang vay tiền Việt nam đồng
2	02/BB.HĐQT	29/7/2016	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất báo cáo tổng kết tình hình SXKD của công ty 6 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2016- HĐQT yêu cầu Ban điều hành tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc nợ đầu tư của công ty với các ngân hàng VCB-CFCHĐQT yêu cầu Ban điều hành tiếp tục triển khai đàm phán với VCB thực hiện việc chuyển tiền vay USD sang vay tiền Việt nam đồng
3	02/NQ.HĐQT	27/9/2016	<ul style="list-style-type: none">- Đồng ý triển khai đăng ký cổ phiếu lần đầu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).- Đồng ý triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).- Đồng ý ủy quyền cho Tổng Giám đốc toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan để hoàn tất thủ tục đăng ký cổ phiếu lần đầu tại VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường Upcom theo quy định.
4	03/BB.HĐQT	16/11/2016	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất báo cáo tổng kết tình hình SXKD của công ty 10 tháng đầu năm 2016 và kế hoạch SXKD quý 4 năm 2016- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của BĐH trong 10 tháng năm 2016 và yêu cầu BĐH tiếp tục duy trì chính sách kinh doanh an toàn cho năm 2017



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

5	03/NQ.HĐQT	30/12/2016	- Đồng ý tách riêng hợp đồng tín dụng các khoản vay đầu tư dự án theo 2 hợp đồng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23/4/2009 và 0012/ĐTDA/10CD ngày 12/4/2010 qua ngân hàng đầu mối VCB.HCM ra thành các hợp đồng tín dụng riêng với VCB.HCM và CFC. Các điều khoản của hợp đồng tín dụng tách riêng với VCB.HCM và CFC được kế thừa các điều khoản của hợp đồng cũ
---	------------	------------	--

2.2 Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị :

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn ; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông

- Việc công bố thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời và tuân thủ về nội dung

2.3 Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc :

Trong năm 2016 Tổng Giám Đốc đã điều hành và thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị qua thư điện tử và điện thoại về tình hình tài chính , hoạt động SXKD của công ty và thị trường giúp Hội đồng quản trị tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp kịp thời và hiệu quả đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các công việc sau :

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2017, đề xuất trình Đại hội các vấn đề



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tập trung chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường (có thể qua văn bản, điện thoại) để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

IV. Hoạt Động Của Ban Kiểm Soát

Trong năm 2016, Ban Kiểm Soát tiến hành các hoạt động sau:

- Kiểm soát, giám sát tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hằng quý, 6 tháng và năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

A. Kết quả hoạt động - điều hành HĐQT và ban TGD

Các hoạt động của HĐQT năm 2016 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức, nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hoạt động của Ban điều hành công ty đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Kết quả sản xuất kinh doanh đã có nhiều chuyển biến tích cực lợi nhuận đạt 33,32 tỷ đồng đạt 151,7% kế hoạch Tổng công ty giao.

1. Tình hình tài chính 31/12/2016:

Báo cáo tài chính 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của

HĐQT trình Đại hội cổ đông là thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Stt	Chi tiêu	Ngày 31/12/2016	Tỷ lệ (%)	Ngày 01/01/2016	Tỷ lệ (%)
A	TỔNG TÀI SẢN	512.170.557.441	100	470.233.968.805	100
I	Tài sản ngắn hạn	127.632.256.586	24,92	55.953.482.763	11,89
1	Tiền và các khoản tương đương	10.831.908.050	2,11	1.900.933.938	0,40
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	28.417.077.980	5,55	6.356.193.906	1,35
3	Hàng tồn kho	85.775.298.933	16,75	46.132.209.919	9,81
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.607.971.623	0,51	1.564.145.000	0,33
II	Tài sản dài hạn	384.538.300.855	75,08	414.280.486.042	88,11
B	NỢ PHẢI TRẢ	563.811.095.508	100,00	555.192.626.639	100,00
	Nợ ngắn hạn	316.741.626.417	56,18	198.427.113.938	35,74
	Nợ dài hạn	247.069.469.091	43,82	356.765.512.701	64,26
C	VỐN CHỦ SỞ HỮU (A-B)	-51.640.538.067		-84.958.657.834	
D	LỢI NHUẬN TRÊN VỐN CSH				

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016

S tt	Nội dung	Năm 2016	Năm 2015	So sánh 2016/2015	Tỷ lệ (%)
---------	----------	----------	----------	----------------------	--------------



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

1	Doanh thu thuần	1.364.929.296.245	701.570.435.099	663.358.861.146	194,55
2	Giá vốn hàng bán	1.307.912.080.015	700.331.277.683	607.580.802.332	186,76
4	Chi phí quản lý/bán hàng	9.254.412.893	8.549.713.745	704.699.148	111,40
5	Doanh thu tài chính	2.039.842.600	30.195.785	2.009.646.815	6.755,39
6	Chi phí tài chính	17.131.379.231	42.497.846.090	(25.366.466.859)	40,31
	Trong đó: CP lãi vay	13.476.068.649	16.124.095.439		
7	Lợi nhuận khác	646.853.061	(131.261.776)		
8	Lợi nhuận trước thuế	33.318.119.767	(49.909.468.610)		
9	Thuế TNDN				
10	Lợi nhuận sau thuế	33.318.119.767	(49.909.468.610)		

3. Thực hiện kế hoạch năm 2016.

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Sản lượng SX thành phẩm (tấn)		92.963	
2	Sản lượng gia công (tấn)		74.436	
3	Sản lượng mua vào (tấn)		14.640	
4	Tổng sản lượng sản xuất, gia công, mua vào (tấn)	120.000	182.039	151,7%

Từ kết quả SX-KD thực hiện trong năm 2016, nhận thấy:



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Doanh thu thực hiện đạt 194,55% so với thực hiện năm 2015, do tình hình năm 2016 thị trường thép cuộn cán nguội khả quan, nhu cầu thép tăng cao.

Khấu hao tài sản cố định trong năm 2016: 28,201 tỷ đồng, các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Công ty đang áp dụng mức thời gian trích khấu hao tối đa đối với máy móc thiết bị theo thông tư 45 ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính là 20 năm.

Năm tài chính kết thúc, Công ty đạt lợi nhuận 33,318 tỷ đồng và số lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2016 là 252,410 tỷ đồng, vượt vốn đầu tư chủ sở hữu 51,640 tỷ đồng. Ngoài ra tại thời điểm ngày 31/12/2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 189,109 tỷ đồng.

Trong năm 2016, TNFS tự trả cho VCB là 20,164 tỷ đồng, trả nợ bảo lãnh VCB cho Tcty Thép Việt Nam là 12,300 tỷ đồng, Kim Khí 5,660 tỷ đồng, Thăng Long 5 tỷ đồng, Tôn Phương Nam 7,4 tỷ đồng và Phú Mỹ 650 triệu đồng. Tổng nợ tự trả là 52,549 tỷ đồng.

4. Kiến nghị của Ban kiểm soát

Trên cơ sở các vấn đề trên, để từng bước nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Cần xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Ban điều hành cần phải tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát chặt chẽ trong việc quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm, tìm mọi biện pháp không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng năng suất lao động thông qua việc quản lý lao động, công nghệ. Đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân kỹ thuật.

Ban điều hành chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ thúc đẩy sản xuất nâng cao giá trị Công ty và Cổ phiếu TNS trên thị trường chứng khoán.

Trong năm 2016 nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn làm ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thanh toán của Công ty. Vì vậy trong năm 2017 đề nghị Công ty tiếp tục lập phương án và kế hoạch trả nợ.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

5. Kế hoạch công tác năm 2017 của Ban kiểm soát

- Kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong việc:
 - + Thực hiện chiến lược của Công ty do Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.
 - + Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017
 - + Tiếp tục giám sát thực hiện kiểm soát nội bộ công ty.

Tham gia soát xét Báo cáo tài chính năm 2017 cùng với kiểm toán độc lập.

Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm cùng với kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên trong ban kiểm soát nhất trí thông qua.

V. Báo cáo tài chính năm 2016:

1. Báo cáo kiểm toán năm 2016

- Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thông Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Vấn đề cần nhấn mạnh.

Tại thời điểm 31/12/2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 189,1 tỷ VND (nợ ngắn hạn lớn gấp 2,48 lần tài sản ngắn hạn); lỗ lũy kế đến 31/12/2016 là 252,4 tỷ VND; Vốn chủ sở hữu âm 51,6 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì các lý do đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số 1 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
				VND	VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	0	127,632,256,586	55,953,482,763
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	10,831,908,050	1,900,933,938
1.	Tiền	111	0	4,831,908,050	1,900,933,938
2.	Các khoản tương đương tiền	112	0	6,000,000,000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	0	28,417,077,980	6,356,193,905
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	16,679,151,872	732,076,834
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	838,365,787	1,146,797,303
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	6	10,899,560,321	4,477,319,768
IV.	Hàng tồn kho	140	7	85,775,298,933	46,132,209,920
1.	Hàng tồn kho	141	0	93,292,878,570	46,147,862,429
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	0	(7,517,579,637)	(15,652,509)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	0	2,607,971,623	1,564,145,000
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	321,423,357	1,511,609,099
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	0	2,222,320,492	1,076,744
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	64,227,774	51,459,157
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	0	384,538,300,855	414,280,486,042
II.	Tài sản cố định	220	0	380,204,849,932	408,406,224,651
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	380,204,849,932	408,406,224,651
-	Nguyên giá	222	0	540,620,465,697	540,620,465,697
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	0	(160,415,615,765)	(132,214,241,046)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	0	4,333,450,923	5,874,261,391
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4,333,450,923	5,874,261,391
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	0	512,170,557,441	470,233,968,805

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TIẾP THEO

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
0	0	0	0	VND	VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	0	563,811,095,508	555,192,626,639
0	0	0	0	-	-
I.	Nợ ngắn hạn	310	0	316,741,626,417	198,427,113,938
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	141,758,943,373	109,121,319,913
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	6,118,406,317	11,892,928,665
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	-	1,098,562,788
4.	Phải trả người lao động	314	0	619,502,201	577,590,814



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	72,643,694,271	60,655,270,731
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	14	172,156,838	345,341,413
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	95,305,543,610	14,074,540,000
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	0	123,379,807	661,559,614
II.	Nợ dài hạn	330	0	247,069,469,091	356,765,512,701
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	247,069,469,091	356,765,512,701
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	0	(51,640,538,067)	(84,958,657,834)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	16	(51,640,538,067)	(84,958,657,834)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	0	200,000,000,000	200,000,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	0	200,000,000,000	200,000,000,000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418	0	769,839,744	769,839,744
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	0	(252,410,377,811)	(285,728,497,578)
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	0	(285,728,497,578)	(235,819,029,168)
-	LNST chưa phân phối năm nay	421b	0	33,318,119,767	(49,909,468,410)
-		0	0	0	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440	0	512,170,557,441	470,233,968,805

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2016/ VNĐ	Năm 2015/ VNĐ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1,365,146,037,804	705,938,465,268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	216,741,559	4,368,030,169
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	0	1,364,929,296,245	701,570,435,099
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1,307,912,080,015	700,331,277,683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	0	57,017,216,230	1,239,157,416
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	2,039,842,600	30,195,785
7. Chi phí tài chính	22	21	17,131,379,231	42,497,846,090
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	13,476,068,649	16,124,095,439
8. Chi phí bán hàng	25	22	1,763,756,819	1,629,451,386
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7,490,656,074	6,920,262,359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	0	32,671,266,706	(49,778,206,634)
11. Thu nhập khác	31	24	1,112,168,781	535,859,520
12. Chi phí khác	32	25	465,315,720	667,121,296
13. Lợi nhuận khác	40	0	646,853,061	(131,261,776)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	0	33,318,119,767	(49,909,468,410)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	0	33,318,119,767	(49,909,468,410)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1,666	(2,495)



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
Năm 2016 (Theo Phương Pháp Giá Trị Tiếp)					
CHỈ TIÊU		MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2016	NĂM 2017
				VNĐ	VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	0	33,318,119,767	(49,909,468,410)
2.	Điều chỉnh cho các khoản	0	0	-	-
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	0	28,209,418,469	28,391,829,103
-	Các khoản dự phòng	03	0	7,501,927,128	2,306,791
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	0	3,599,444,196	6,446,654,421
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	0	(392,897,667)	(26,925,042)
-	Chi phí lãi vay	06	0	13,476,068,649	30,426,877,181
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	0	(8,043,750)	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	0	85,704,036,792	15,331,274,044
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	0	(24,163,939,015)	8,009,182,408
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	0	(47,145,016,141)	(583,835,866)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	0	26,059,577,276	15,830,589,291
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	0	2,730,996,210	3,805,394,384
-	Tiền lãi vay đã trả	14	0	(2,009,987,091)	(17,740,034,243)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	-	(13,133,396)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	0	(538,179,807)	(200,350,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	0	40,637,488,224	24,439,086,622
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	0	-	(233,400,000)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	0	261,940,242	26,925,042
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	0	261,940,242	(206,474,958)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.	Tiền thu từ đi vay	33	0	-	83,877,197,805
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	0	(31,968,840,000)	(108,048,832,458)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	(31,968,840,000)	(24,171,634,653)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	0	8,930,588,466	60,977,011



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	0	1,900,933,938	1,839,936,184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	385,646	20,743
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3	10,831,908,050	1,900,933,938

4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016 (kèm theo)

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thông Nhất được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 16 tháng 02 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán.

Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành thép.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3- Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4- Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong "&'Khai bao'!F15&" được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5- Tiền và các khoản tương đương tiền:

- Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 - Các khoản nợ phải thu

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành ở mỗi giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5- 30 năm
- Máy móc, thiết bị	5- 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3- 05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch

toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các

yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay

Các khoản vay và nợ phải trả được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số c giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn hi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.17. Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong Năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b. Ưu đãi thuế

Theo giấy phép đầu tư số 492031000061 chứng nhận lần đầu ngày 20/09/2007:

Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% (nay là 20%) lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Miễn thuế TNDN trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

2.20. Các bên liên quan:



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó."

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	108,669,376	295,604,389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4,723,238,674	1,605,329,549
Các khoản tương đương tiền	6,000,000,000	-
	<u>10,831,908,050</u>	<u>1,900,933,938</u>

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 6.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất 5,2%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	16,522,742,357	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	156,409,515	732,076,834
	<u>16,679,151,872</u>	<u>732,076,834</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>16,522,742,357</u>	<u>511,923,989</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.		



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Sao Việt	138,751,000	-	-	-
Công ty TNHH TM Công nghiệp Tâm Việt Phúc	-	-	706,200,000	-
Trả trước cho người bán khác	699,614,787	-	440,597,303	-
	838,365,787	-	1,146,797,303	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	130,957,425	-	-	-
Tạm ứng	233,444,816	-	146,974,400	-
Ký cược, ký quỹ	10,535,158,080	-	4,156,441,920	-
Phải thu khác	-	-	173,903,448	-
	10,899,560,321	-	4,477,319,768	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	44,983,952,401	-	30,234,031,896	-
Công cụ, dụng cụ	58,158,284	-	39,791,647	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9,682,147,171	-	14,359,626,795	-
Thành phẩm	11,823,648,760	(7,517,579,637)	1,514,412,091	(15,652,509)



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Hàng hoá

<u>26,744,971,954</u>	-	-	-
<u>93,292,878,570</u>	<u>(7,517,579,637)</u>	<u>46,147,862,429</u>	<u>(15,652,509)</u>



TN FLAT STEEL

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74,830,811,937	444,684,042,360	19,925,625,063	1,179,986,337	540,620,465,697
Số dư cuối năm	74,830,811,937	444,684,042,360	19,925,625,063	1,179,986,337	540,620,465,697
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11,036,020,312	108,774,827,168	11,428,054,538	975,339,028	132,214,241,046
- Khấu hao trong năm	2,013,428,565	24,153,370,744	1,963,554,064	79,065,096	28,209,418,469
- Giảm khác	-	(8,043,750)	-	-	(8,043,750)
Số dư cuối năm	13,049,448,877	132,920,154,162	13,391,608,602	1,054,404,124	160,415,615,765
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	63,794,791,625	335,909,215,192	8,497,570,525	204,647,309	408,406,224,651
Tại ngày cuối năm	61,781,363,060	311,763,888,198	6,534,016,461	125,582,213	380,204,849,932

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

338.957.852.867 đồng.

2.150.305.032 đồng.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1,511,609,099
Chi phí bảo hiểm	321,423,357	-
	<u>321,423,357</u>	<u>1,511,609,099</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	4,333,450,923	5,874,261,391
	<u>4,333,450,923</u>	<u>5,874,261,391</u>

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	29,719,564,427	29,719,564,427	28,547,915,650	28,547,915,650
- Công ty CP Tôn Đông Á	28,648,509,137	28,648,509,137	2,485,553,704	2,485,553,704
- Công ty TNHH TM và XD Phương Long	22,905,665,546	22,905,665,546	901,083,248	901,083,248
- Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh	51,159,408,691	51,159,408,691	56,820,220,480	56,820,220,480
- Phải trả các đối tượng khác	9,325,795,572	9,325,795,572	20,366,546,831	20,366,546,831
	141,758,943,373	141,758,943,373	109,121,319,913	109,121,319,913

b. Phải trả người bán là các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)

	80,878,973,118	80,878,973,118	85,368,136,130	85,368,136,130
--	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Tôn Phương Nam	2,621,574,558	6,776,221,599	-	-
- Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	-	4,799,457,332	-	-
- Công ty CP Tôn mạ màu FUJITON	3,018,788,669	-	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	478,043,090	317,249,734	-	-
	6,118,406,317	11,892,928,665	6,118,406,317	11,892,928,665

12- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,098,562,788	9,490,720,947	10,589,283,735	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	224,574,534	224,574,534	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	51,459,157	-	77,820,775	90,589,392	64,227,774	-
Các loại thuế khác	-	-	93,240,000	93,240,000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5,000,000	5,000,000	-	-
	51,459,157	1,098,562,788	9,891,356,256	11,002,687,661	64,227,774	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	38,056,559,615	26,590,478,057
- Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	33,284,373,760	33,284,373,760
- Lương phép và lương tháng 13	1,123,733,590	637,359,822
- Chi phí vệ sinh nhà xưởng công nghiệp	-	30,150,000
- Thuê nhà nghỉ ca	26,000,000	42,000,000
- Chi phí phải trả khác	153,027,306	70,909,092
	<u>72,643,694,271</u>	<u>60,655,270,731</u>

14 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công		
- đoàn	6,012,453	12,841,998
Bảo hiểm xã		
- hội	-	11,732,216
Tiền thuế Công ty Tenova		
- nộp hộ	-	138,931,916
Các khoản phải trả, phải		
- nộp khác	166,144,385	181,835,283
	<u>172,156,838</u>	<u>345,341,413</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

1- VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC	14,074,540,000	14,074,540,000	95,305,543,61	0	95,305,543,610	95,305,543,610
- Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) ^(a)					63,840,253,306	63,840,253,306
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)					31,465,290,304	31,465,290,304
	14,074,540,000	14,074,540,000	95,305,543,61	0	95,305,543,610	95,305,543,610
Vay dài hạn						
- Vay dài hạn hợp đồng đồng tài trợ giữa Vietcombank và CFC	256,159,562,735	256,159,562,735	3,503,800,000	19,668,840,000	239,994,522,735	239,994,522,735
- Công ty CP Tài chính Xi măng (CFC) ^(a)					151,506,965,044	151,506,965,044
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)					88,487,557,691	88,487,557,691
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP ^(c)	114,680,489,966	114,680,489,966	-	12,300,000,000	102,380,489,966	102,380,489,966
	370,840,052,701	370,840,052,701	3,503,800,000	31,968,840,000	342,375,012,701	342,375,012,701
	(14,074,540,000)	(14,074,540,000)			(95,305,543,610)	(95,305,543,610)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	356,765,512,701	356,765,512,701			247,069,469,091	247,069,469,091



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (a) **Khoản vay Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng (CFC) bao gồm 03 hợp đồng, chi tiết:**
- (1) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.01 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.337.962,03 USD, tương đương với 98.862.154.664 VND; trong đó số dư nợ gốc phải trả năm 2017 là 2.254.711,15 USD, tương đương với 51.386.234.509 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- (2) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0017/ĐTDA/09CN.02 ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 860.464,63 USD, tương đương với 19.609.988.917 VND; trong đó số dư nợ gốc phải trả năm 2017 là 307.947,16 USD, tương đương với 7.018.115.776 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 242/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- (3) Hợp đồng tín dụng số CFC.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 28/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 55.340.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự Án bao gồm: các chi phí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên của ngân hàng VCB và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 33.034.821.463 VND; trong đó số dư nợ gốc phải trả năm 2017 là 5.435.803.021 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm 02 hợp đồng, chi tiết:**
- (1) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0012/ĐTDA/10CD ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:**
- + Hạn mức tín dụng: 77.310.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ đầu tư Dự Án bao gồm: các chi chí đầu tư máy móc thiết bị, các chi phí liên quan xây dựng và cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn thiết kế giám sát đầu dự án, lãi vay trong thời gian xây dựng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 29.243.281.272 VND; trong đó số dư nợ gốc phải trả năm 2017 là 2.267.495.286 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.
- (2) Hợp đồng tín dụng số VCB.2016.0017/ĐTDA/09CN ngày 30/12/2016, với các điều khoản chi tiết sau:**
- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: Bên vay sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí đầu tư Dự Án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng, lãi vay trong thời gian xây dựng.
 - + Thời hạn của hợp đồng: 216 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng cộng lãi suất biên và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.599.573,34 USD, tương đương với 59.244.276.419 VND; trong đó số dư nợ gốc phải trả năm 2017 là 1.281.166,96 USD, tương đương với 29.197.795.018 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự Án, Bên vay phải mua và duy trì liên tục bảo hiểm mọi rủi ro tài sản cho các tài sản thế chấp/cầm cố, và số tiền thế chấp thuộc tài sản thế chấp, Thư bảo lãnh số 243/VNS - TCKT ngày 10/03/2010 của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

(c) Khoản vay Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP:

Đây là khoản Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; lãi suất là 6,5%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2016 là 102.380.489.966 đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	769,839,744	769,839,744	(235,087,704,637)	(34,317,864,893)	(34,317,864,893)	
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(49,909,468,410)	(49,909,468,410)	(49,909,468,410)	
Điều chỉnh thuế phải nộp bổ sung của các năm trước	-	-	-	(586,466,592)	(586,466,592)	(586,466,592)	
Giảm khác	-	-	-	(144,857,939)	(144,857,939)	(144,857,939)	
Số dư cuối năm trước	200,000,000,000	769,839,744	769,839,744	(285,728,497,578)	(84,958,657,834)	(84,958,657,834)	
Số dư đầu năm nay	200,000,000,000	769,839,744	769,839,744	(285,728,497,578)	(84,958,657,834)	(84,958,657,834)	
Lãi trong năm nay	-	-	-	33,318,119,767	33,318,119,767	33,318,119,767	
Số dư cuối năm nay	200,000,000,000	769,839,744	769,839,744	(252,410,377,811)	(51,640,538,067)	(51,640,538,067)	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Tỷ lệ		Đầu năm		Tỷ lệ
	VND	VND	(%)	(%)	VND	(%)	
Tổng Công ty Thép Việt Nam	62,494,810,000	62,494,810,000	31.25%	31.25%	62,494,810,000	31.25%	
Công ty Tôn Phương Nam	10,000,000,000	10,000,000,000	5.00%	5.00%	10,000,000,000	5.00%	
Công ty CP Kim khí Hồ Chí Minh	14,000,000,000	14,000,000,000	7.00%	7.00%	14,000,000,000	7.00%	
Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đầy	2,800,000,000	2,800,000,000	1.40%	1.40%	2,800,000,000	1.40%	
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	14,000,000,000	14,000,000,000	7.00%	7.00%	14,000,000,000	7.00%	
Công ty CP Tài chính Xi Măng	11,999,090,000	11,999,090,000	6.00%	6.00%	11,999,090,000	6.00%	



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Vốn góp của các cổ đông khác	84,706,100,000	42.35%	84,706,100,000	42.35%
	<u>200,000,000,000</u>	<u>100%</u>	<u>200,000,000,000</u>	<u>100%</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- *Vốn góp đầu năm*
- *Vốn góp cuối năm*

d. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- *Cổ phiếu phổ thông*
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)

e. Các quỹ công ty

Quỹ đầu tư phát triển

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
	200,000,000,000	200,000,000,000
	200,000,000,000	200,000,000,000
	200,000,000,000	200,000,000,000
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	20,000,000	20,000,000
	20,000,000	20,000,000
	20,000,000	20,000,000
	20,000,000	20,000,000
	20,000,000	20,000,000
	10,000	10,000
	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
	769,839,744	769,839,744
	<u>769,839,744</u>	<u>769,839,744</u>



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1,273,012,463,082	666,070,523,217
Doanh thu gia công	76,226,214,629	28,363,553,960
Doanh thu bán phế liệu	15,907,360,093	11,504,388,091
	<u>1,365,146,037,804</u>	<u>705,938,465,268</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32.)	<u>387,993,098,287</u>	<u>235,732,507,565</u>

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	4,399,550
Hàng bán bị trả lại	-	3,762,272,958
Giảm giá hàng bán	216,741,559	601,357,661
	<u>216,741,559</u>	<u>4,368,030,169</u>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1,233,317,952,847	663,482,447,680
Giá vốn gia công	50,276,083,884	24,616,180,029
Giá vốn bán phế liệu	16,816,116,156	12,230,343,183
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7,501,927,128	2,306,791
	<u>1,307,912,080,015</u>	<u>700,331,277,683</u>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	392,897,667	26,925,042
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1,646,944,933	3,270,743



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

	<u>2,039,842,600</u>	<u>30,195,785</u>
21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	13,476,068,649	16,124,095,439
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	14,302,781,742
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	55,866,386	5,624,314,488
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3,599,444,196	6,446,654,421
	<u>17,131,379,231</u>	<u>42,497,846,090</u>
22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	1,429,360,204	1,320,518,192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136,648,144	126,242,748
Chi phí khác bằng tiền	197,748,471	182,690,446
	<u>1,763,756,819</u>	<u>1,629,451,386</u>
23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42,713,013	39,460,530
Chi phí nhân công	3,005,119,484	2,776,287,557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239,817,704	221,556,218
Thuế, phí, lệ phí	18,115,000	16,735,590
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,849,352,560	1,708,529,237
Chi phí khác bằng tiền	2,335,538,313	2,157,693,227
	<u>7,490,656,074</u>	<u>6,920,262,359</u>
24 . THU NHẬP KHÁC		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Xử lý công nợ	-	531,962,334



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÁM LÁ THÔNG NHẤT

Hoàn thuế nhà thầu	976,680,389	-
Thu nhập khác	135,488,392	3,897,186
	1,112,168,781	535,859,520

2

5 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	99,040,124	305,734,757
Chi phí khác	366,275,596	361,386,539
	465,315,720	667,121,296

2

6 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33,318,119,767	(49,909,468,410)
Các khoản điều chỉnh giảm	(33,318,119,767)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(33,318,119,767)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(49,909,468,410)
Thuế suất thuế TNDN được ưu đãi	15%	15%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	13,133,396
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(13,133,396)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	-	-

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	33,318,119,767	(49,909,468,410)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	33,318,119,767	(49,909,468,410)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20,000,000	20,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,666	(2,495)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,062,801,836,113	618,880,340,835
Chi phí nhân công	12,721,783,580	11,035,332,192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28,209,418,469	28,391,829,103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,756,633,678	37,135,672,035
Chi phí khác bằng tiền	8,649,608,404	6,029,605,353
	1,151,139,280,244	701,472,779,518

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:
Giá trị sổ kế toán

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,831,908,050	-	1,900,933,938	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27,578,712,193	-	5,209,396,602	-
	38,410,620,243	-	7,110,330,540	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016 VND	01/01/2016 VND

Nợ phải trả tài chính



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Vay và nợ	342,375,012,701	370,840,052,701
Phải trả người bán, phải trả khác	141,931,100,211	109,466,661,326
Chi phí phải trả	72,643,694,271	60,655,270,731
	<u>556,949,807,183</u>	<u>540,961,984,758</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,831,908,050	-	-	10,831,908,050
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27,578,712,193	-	-	27,578,712,193



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

	38,410,620,243	-	-	38,410,620,243
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1,900,933,938	-	-	1,900,933,938
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5,209,396,602	-	-	5,209,396,602
	7,110,330,540	-	-	7,110,330,540

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	95,305,543,610	247,069,469,091	-	342,375,012,701
Phải trả người bán, phải trả khác	141,931,100,211	-	-	141,931,100,211
Chi phí phải trả	72,643,694,271	-	-	72,643,694,271
	309,880,338,092	247,069,469,091	-	556,949,807,183
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	14,074,540,000	356,765,512,701	-	370,840,052,701
Phải trả người bán, phải trả khác	109,466,661,326	-	-	109,466,661,326
Chi phí phải trả	60,655,270,731	-	-	60,655,270,731
	184,196,472,057	356,765,512,701	-	540,961,984,758

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN KHÁC

Trong quý 1 /2016 công ty đã ký kết hợp đồng cung cấp thép tấm lá số 01,02,03 / HĐMB-2016-TNFS với giá bán cố định bình quân 8.891.940 đồng/ tấn với Công ty tôn Phương Nam, tổng số lượng thép tấm lá theo hợp đồng là 5.000 tấn , Công ty đã cung cấp được 2.857 tấn , còn lại 2.143 tấn chưa cung cấp. Tuy nhiên do trong năm giá liên tục tăng , nên công ty không tiếp tục



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

cung cấp hàng cho các hợp đồng này, chỉ cung cấp các hợp đồng ký mới. Đầu tháng 1 năm 2017 công ty Tôn Phương Nam đã gửi công văn yêu cầu công ty thực hiện cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của hợp đồng. Vì vậy công ty có thể chịu 1 khoản phạt vi phạm hợp đồng nếu công ty hủy hợp đồng hoặc chịu 1 khoản lỗ tiềm tàng trong năm 2017 nếu công ty tiếp tục cung cấp bổ sung lượng hàng còn thiếu theo hợp đồng cho Công ty Tôn Phương Nam.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh thép tấm lá và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu		387,993,098,287	235,732,507,565
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	242,215,140,594	160,990,083,615
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	111,363,074,700	71,755,891,700
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	1,882,328,279	2,986,532,250
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	32,532,554,714	-
Mua hàng		159,780,858,183	111,924,769,797
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	38,867,822,701	21,133,792,702
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	120,913,035,482	86,677,345,245
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	-	4,113,631,850
Lãi trả chậm		-	2,472,283,587
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	-	2,472,283,587
Lãi bảo lãnh		-	7,056,793,755
Tổng Công ty Thép Việt Nam	Cổ đông sáng lập	-	7,056,793,755
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Phải thu ngắn hạn khách hàng		16,522,742,357	511,923,989
Công ty TNHH Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	-	511,923,989
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	16,522,742,357	-
Phải trả người bán ngắn hạn		80,878,973,118	85,368,136,130
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	29,719,564,427	28,547,915,650
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	51,159,408,691	56,820,220,480
Người mua trả tiền trước		2,621,574,558	11,575,678,931
Công ty Tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập	2,621,574,558	6,776,221,599
Công ty CP Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty con của TCT	-	4,799,457,332
Lãi trả chậm		33,284,373,760	33,284,373,760
Công ty CP Kim khí HCM	Cổ đông sáng lập	10,158,875,813	10,158,875,813
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ	Công ty con của TCT	12,347,582,441	12,347,582,441
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	10,777,915,506	10,777,915,506
Vay của Tổng Công ty		102,380,489,966	114,680,489,966
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	102,380,489,966	114,680,489,966
Lãi vay của Tổng Công ty		20,188,142,638	20,188,142,638
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông sáng lập	20,188,142,638	20,188,142,638
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		584.226.290	757,072,111

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14,074,540,000	128,755,029,966
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	356,765,512,701	242,085,022,735

Ngày 04 tháng 04 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN ĐẠI